SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 208/BC-HTK

Buôn Hồ, ngày 28 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng báo cáo thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng.

2. Địa chỉ.

- Trụ sở chính: Đường Đặng Thùy Trâm, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0262.3503079.
- Địa chỉ thư điện tử: thpt.huynhthuckhang@daklak.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: http://c3huynhthuckhang.daklak.edu.vn.

3. Loại hình. Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường THPT Huỳnh Thúc Kháng.

- *Sứ mạng*: Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện an ninh, an toàn, có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực bản thân, có sức khoẻ, có tri thức đáp ứng yêu cầu của địa phương và xã hội.

- *Tầm nhìn*: Hướng đến một môi trường sư phạm thân thiện, hiện đại, chất lượng giáo dục được ưu tiên hàng đầu, thầy, cô giáo hăng say cống hiến, được CMHS và HS tin cậy.

- *Mục tiêu:* Duy trì các các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I và phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia mức độ II giai đoạn 2025 – 2030; Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Huỳnh Thúc Kháng.

Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng được thành lập theo Quyết định số

1018/1999/QĐ-UB ngày 02/06/1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk, chính thức đi vào hoạt động từ năm học 1999-2000. Cơ sở vật chất của Trường luôn được đầu tư nên đảm bảo trang thiết bị đồ dùng dạy học, đầy đủ các phòng học, phòng làm việc, phòng sinh hoạt bộ môn, phòng thí nghiệm - thực hành, phòng vi tính, thư viện, nhà đa năng, bể bơi, sân thể dục… Nhà trường luôn thực hiện kịp thời và đầy đủ chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường huy động nhiều nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân để cấp học bổng cho học sinh có điều kiện khó khăn có thành tích tốt trong học tập cùng như đầu tư cơ sở vật chất... Hơn 27 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh tốt nghiệp THPT với tỉ lệ tốt nghiệp đã tăng đều trong những năm gần đây, nhiều học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh và nhiều học sinh đã vào đội tuyển quốc gia… Hàng năm có trên 55% học sinh của Trường thi đậu vào các trường Đại học - cao đẳng nhiều em đã trở thành những nhà quản lý, nhà kinh tế, bác sĩ, kỷ sư trên khắp mọi miền đất nước. Đội ngũ giáo viên của Trường hầu hết là những giáo viên dạy giỏi, có tâm huyết với nghề; trường đạt kiểm định cấp độ II, Chuẩn quốc gia mức độ 1.

a. Thông tin người đại diện pháp luật của trường THPT Huỳnh Thúc Kháng

- Họ và tên: Nguyễn Đình Hoàng.

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Nơi làm việc: trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Số điện thoại: 0362117788.

- Địa chỉ thư điện tử: sn1@thpt-huynhthuckhang-daklak.edu.cn.

b. Tổ chức bộ máy của trường THPT Huỳnh Thúc Kháng.

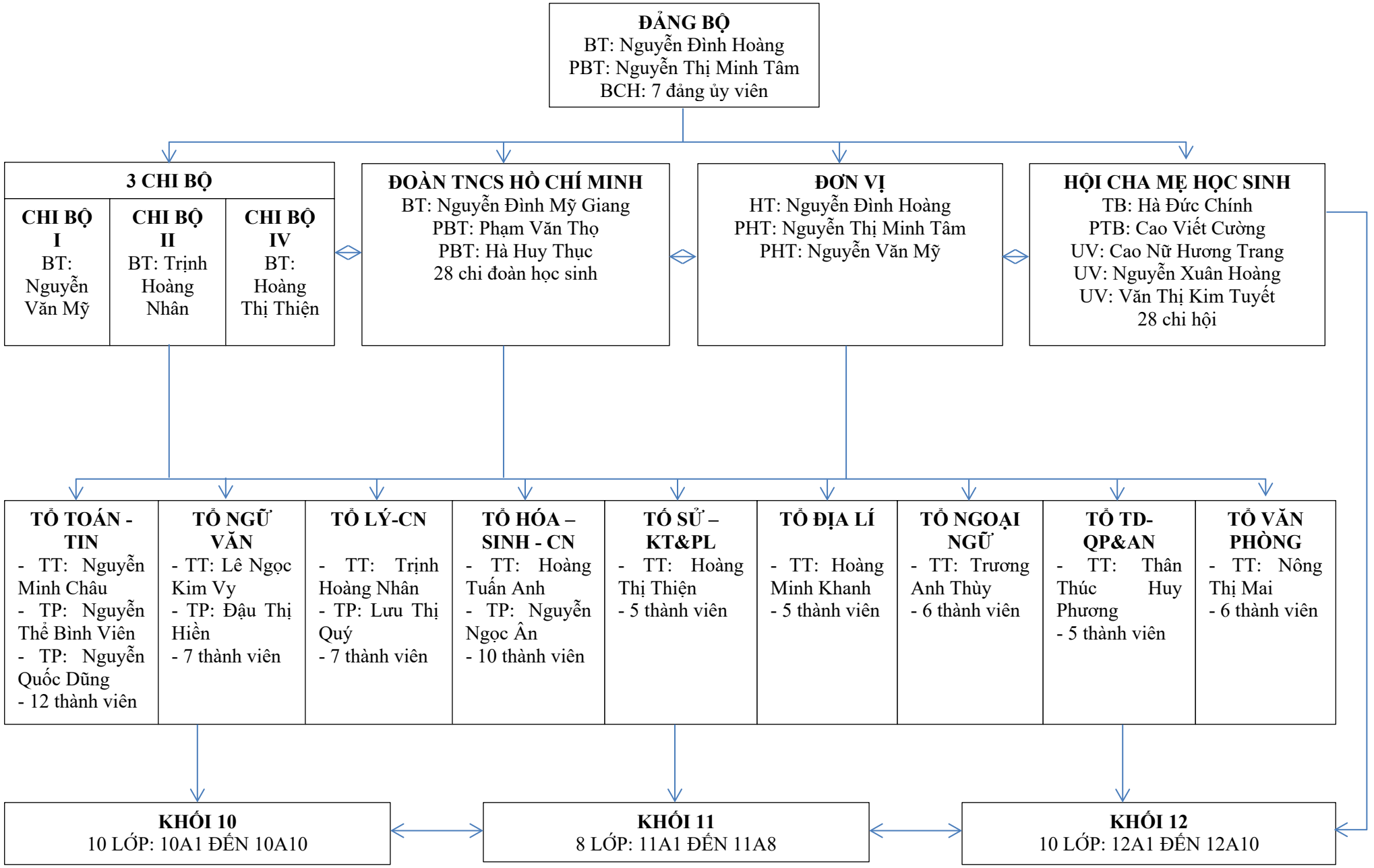
Quyết định thành lập: Quyết định số: 1018/1999/QĐ-UB ngày 02/06/1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số: 0133/QĐ-UBND ngày 02/07/202 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Quyết định số: 1411/QĐ-SGDĐT ngày 05/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý ông Nguyễn Đình Hoàng.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng:

+ Phó hiệu trưởng: Quyết định số: 267/QĐ-SGDĐT ngày 25/07/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

+ Phó hiệu trưởng: Quyết định số 268/QĐ-SGDĐT ngày 25/07/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Mỹ.


ĐẢNG BỘ
BT: Nguyễn Đình Hoàng
PBT: Nguyễn Thị Minh Tâm
BCH: 7 đảng ủy viên
3 CHI BỘ
CHI BỘ I
BT: Nguyễn Văn Mỹ
CHI BỘ II
BT: Trịnh Hoàng Nhân
CHI BỘ IV
BT: Hoàng Thị Thiện
ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
BT: Nguyễn Đình Mỹ Giang
PBT: Phạm Văn Thọ
PBT: Hà Huy Thục
28 chi đoàn học sinh
ĐƠN VỊ
HT: Nguyễn Đình Hoàng
PHT: Nguyễn Thị Minh Tâm
PHT: Nguyễn Văn Mỹ
HỘI CHA MẸ HỌC SINH
TB: Hà Đức Chính
PTB: Cao Viết Cường
UV: Cao Nữ Hương Trang
UV: Nguyễn Xuân Hoàng
UV: Văn Thị Kim Tuyết
28 chi hội
TỔ TOÁN - TIN
- TT: Nguyễn Minh Châu
- TP: Nguyễn Thể Bình Viên
- TP: Nguyễn Quốc Dũng
- 12 thành viên
TỔ NGỮ VĂN
- TT: Lê Ngọc Kim Vy
- TP: Đậu Thị Hiền
- 7 thành viên
TỔ LÝ-CN
- TT: Trịnh Hoàng Nhân
- TP: Lưu Thị Quý
- 7 thành viên
TỔ HÓA – SINH - CN
- TT: Hoàng Tuấn Anh
- TP: Nguyễn Ngọc Ân
- 10 thành viên
TỔ SỬ – KT&PL
- TT: Hoàng Thị Thiện
- 5 thành viên
TỔ ĐỊA LÍ
- TT: Hoàng Minh Khanh
- 5 thành viên
TỔ NGOẠI NGỮ
- TT: Trương Anh Thùy
- 6 thành viên
TỔ TD-QP&AN
- TT: Thân Thúc Huy Phương
- 5 thành viên
TỔ VĂN PHÒNG
- TT: Nông Thị Mai
- 6 thành viên
KHỐI 10
10 LỚP: 10A1 ĐẾN 10A10
KHỐI 11
8 LỚP: 11A1 ĐẾN 11A8
KHỐI 12
10 LỚP: 12A1 ĐẾN 12A10

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**68**	**0**	**18**	**43**	**1**	**1**	**3**	**53**	**0**	**0**	**21**	**36**	**0**	**0**
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	**57**	**0**	**15**	**40**	**0**	**0**	**0**	**49**	**0**	**0**	**21**	**33**	**0**	**0**
1	Toán	11		6	5				11			2	9		
2	Lý – Công nghệ	7		4	3				7			3	4		
3	Hóa	4			4				4			1	3		
4	Tin	2			2				1				1		
5	Sinh – Công nghệ	3		2	1				3				3		
6	Ngữ văn	9		2	7				4			8			
7	Lịch sử	3		1	2				3			1	2		
8	KT&PL	2			2				2			1	1		
9	Địa lí	4			4				4			3	1		
10	Tiếng Anh	6			6				6			2	4		
11	Thể dục	4			4				3			1	3		
12	Giáo dục quốc phòng	2			2				1				2		
II	Cán bộ quản lý	**3**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**
1	Hiệu trưởng	1		1					1				1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2				2		
III	Nhân viên	**8**	**0**	**0**	**3**	**1**	**1**	**3**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ-Thư viện	1			1				1						
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên tạp vụ	1						1							
	Nhân viên bảo vệ	2						2							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
I	**Số phòng học**	**32**	Số m2/học sinh	
II	**Loại phòng học**			
1	Phòng học kiên cố	**32**	1.3	
2	Phòng học bán kiên cố	**0**		
3	Phòng học tạm	**0**		
4	Phòng học nhờ	**0**		
5	Số phòng học bộ môn	**7**	0.40	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	**1**	0.07	
7	Bình quân lớp/phòng học	**0.88**		
8	Bình quân học sinh/lớp	**42.4**		
III	**Số điểm trường**	**0**		
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	**18830**	15,9	

V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	**3525**	3.0	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	**3270**	2.8	
1	Diện tích phòng học (m^2)	**2240**	1.95	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	**420**	0.4	
3	Diện tích thư viện (m^2)	**140**	0.12	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	**540**	0.46	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	**60**	0.05	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	**101**		Thống kê theo danh mục thiết bị hiện có, đối chiếu qua Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
1.1	Khối lớp 10	**36**	3.6	
1.2	Khối lớp 11	**32**	4.0	
1.3	Khối lớp 12	**33**	3.3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	**30**		
2.1	Khối lớp...	**12**		
2.2	Khối lớp...	**10**		
2.3	Khối lớp...	**8**		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)			
4	…			
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**127**		
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp	
1	**Ti vi**	**37**	1.3	
2	**Cát xét**	**6**	0.2	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	**0**	0.00	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	**3**	0.1	
5	**Thiết bị khác...**			
6	**…..**			
IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**			
1	Ti vi	**37**	1.3	
2	Cát xét	**6**	0.2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	**0**	0.00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	**3**	0.1	
5	Thiết bị khác…			

	Nội dung	Số lượng (m2)		
X	**Nhà bếp**	0		
XI	**Nhà ăn**	0		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích(m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		

XIII	**Khu nội trú**	5 phòng (120 m2)		5	24 m2
XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		2		0.12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0
*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*					
	Nội dung		Có		Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**		X		
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**		X		
XVII	**Kết nối internet**		X		
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**		X		
XIX	**Tường rào xây**		X		

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA
Sử dụng tại trường THPT Huỳnh Thúc Kháng từ năm học 2026-2027

Thực hiện theo Nghi quyết Nghị quyết 281/NQ-CP ngày 15/09/2025; Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 Lựa chọn chính thức bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam áp dụng chung trên toàn quốc. Gồm các đầu sách

Nhóm môn	STT	Tên sách	Nhà xuất bản
Môn học bắt buộc	**1. Ngữ văn**	Ngữ văn, Tập một	Giáo dục Việt Nam
		Ngữ văn, Tập hai	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Ngữ Văn	Giáo dục Việt Nam
	2. Toán	Toán, Tập một	Giáo dục Việt Nam
		Toán, Tập hai	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Toán	Giáo dục Việt Nam
	3. Tiếng Anh	Tiếng Anh Global Success	Giáo dục Việt Nam
	4. Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất: Cầu lông	Giáo dục Việt Nam
		Giáo dục thể chất: Bóng đá	Giáo dục Việt Nam
		Giáo dục thể chất: Bóng chuyền	Giáo dục Việt Nam
		Giáo dục thể chất: Bóng rổ	Giáo dục Việt Nam
		Giáo dục thể chất: Đá Cầu	Giáo dục Việt Nam
	5. GD QPAN	Giáo dục QP-AN	Giáo dục Việt Nam
Nhóm khoa học xã hội	**6. Lịch sử**	Lịch sử	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Lịch sử	Giáo dục Việt Nam
	7. Địa lí	Địa lí	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Địa lí	Giáo dục Việt Nam
	8. Giáo dục KTPL	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật	Giáo dục Việt Nam
Nhóm khoa	**9. Vật lí**	Vật lí	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Vật lí	Giáo dục Việt Nam

học tự nhiên	**10. Hóa học**	Hoá học	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Hoá học	Giáo dục Việt Nam
	11. Sinh học	Sinh học	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Sinh học	Giáo dục Việt Nam
Nhóm Công nghệ và nghệ thuật	**12. Công nghệ công**	Công nghệ: Thiết kế và công nghệ, Công nghệ cơ khí	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Công nghệ: Thiết kế và công nghệ, Công nghệ cơ khí	Giáo dục Việt Nam
	13. Công nghệ nông	Công nghệ: Công nghệ trồng trọt, chăn nuôi	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Công nghệ: Công nghệ trồng trọt, chăn nuôi	Giáo dục Việt Nam
	14. Tin học	Tin học	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Tin học: Khoa học máy tính	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Tin học: Tin học ứng dụng	Giáo dục Việt Nam
	15. Âm nhạc	Âm nhạc	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Âm nhạc	Giáo dục Việt Nam
	16. Mỹ thuật	Mĩ thuật: Hội họa	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Kiến trúc	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Lí luận và lịch sử mĩ thuật	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Đồ họa tranh in	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Điêu khắc	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Thiết kế thời trang	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Thiết kế đồ họa	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Thiết kế công nghiệp	Giáo dục Việt Nam
		Mĩ thuật: Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Giáo dục Việt Nam
		Chuyên đề học tập Mĩ thuật	Giáo dục Việt Nam
HĐTN - HN	**17**	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường đạt Kiểm ddiwnhj chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 879/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk Về việc cấp Chứng nhận trường trung học phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 892/QĐ-SGDĐT ngày 27/10/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk Về việc công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia

Hàng năm, nhà trường lên kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, rà soát các tiêu chí còn hạn chế để có kế hoạch cải tiến chất lượng vào cuối năm học. Hiện tại nhà trường bám sát chương trình hành động của ngành, chương trình hành động và kế hoạch chiến lược của trường để duy trì và phát triển chất lượng của trường.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng

1. Mục đích, yêu cầu

Trên cơ sở kết quả đã đạt được sau tự đánh giá, nhà trường xây dựng kế hoạch, đưa ra các giải pháp nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Duy trì và phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, nhằm từng bước nâng cao

chất lượng giá dục qua các hoạt động trong nhà trường. Hiện trường đạt mức 2, hướng tới xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ 2.

2. Nội dung, giải pháp cải tiến chất lượng năm học 2026-2027

2.1. Cải tiến công tác quản trị và điều hành nhà trường

Rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch chuyên môn và kế hoạch của các bộ phận theo hướng rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả cần đạt.

Tăng cường quản lý theo dữ liệu; định kỳ phân tích kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, kết quả kiểm tra định kỳ và kết quả thi của học sinh.

Thiết lập cơ chế theo dõi tiến độ thực hiện chỉ tiêu; tổ chức giao ban, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh giải pháp khi kết quả chưa đạt yêu cầu.

Nâng cao trách nhiệm của tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và người đứng đầu các bộ phận trong thực hiện nhiệm vụ cải tiến chất lượng.

Thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và sự tham gia của cha mẹ học sinh.

2.2. Nâng cao chất lượng dạy học và kiểm tra, đánh giá

Phân tích kết quả theo khối lớp, môn học và nhóm đối tượng học sinh để xác định nội dung cần cải tiến.

Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tăng cường hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức và giải quyết vấn đề.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu chương trình; xây dựng ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm phù hợp quy định hiện hành.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dự giờ, rút kinh nghiệm và chia sẻ các phương pháp dạy học hiệu quả.

Phân tích kết quả kiểm tra định kỳ, xác định những nội dung học sinh chưa nắm vững để điều chỉnh phương pháp dạy học và kế hoạch ôn tập.

Tăng cường phối hợp giữa các giáo viên cùng môn, giữa giáo viên bộ môn với giáo viên chủ nhiệm để theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh.

3. Cải tiến chất lượng ôn tập, phụ đạo và bồi dưỡng học sinh

Phân loại học sinh ngay từ đầu năm và sau mỗi đợt kiểm tra; xác định nguyên nhân học sinh học tập chưa đạt yêu cầu.

Xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo nhóm đối tượng, tập trung vào kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học và phương pháp làm bài.

Giao giáo viên phụ trách, xây dựng mục tiêu tiến bộ theo từng giai đoạn và thông báo kết quả cho học sinh, cha mẹ học sinh.

Đối với học sinh lớp 12, xây dựng kế hoạch ôn tập theo năng lực, tổ chức khảo sát định kỳ, phân tích phổ điểm và điều chỉnh nội dung ôn tập phù hợp với yêu cầu thi tốt nghiệp THPT năm 2027.

Tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng lực tốt, tạo điều kiện tham gia các cuộc thi, hoạt động học thuật và nghiên cứu khoa học phù hợp.

Theo dõi hiệu quả của từng biện pháp hỗ trợ bằng kết quả học tập trước và sau khi

thực hiện; điều chỉnh kịp thời những cách làm chưa hiệu quả.

4. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Rà soát nhu cầu bồi dưỡng của từng cá nhân, tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch tự học, bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao năng lực nghề nghiệp.

Tăng cường tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu số, ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm.

Phát huy vai trò của giáo viên cốt cán, giáo viên có kinh nghiệm trong hỗ trợ đồng nghiệp; tổ chức chuyên đề, dự giờ, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm.

Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh, giáo dục hòa nhập và xử lý các tình huống phát sinh trong môi trường học đường.

Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng công việc và mức độ tiến bộ với công tác đánh giá viên chức theo quy định.

5. Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và bảo đảm an toàn trường học

Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật và nội quy nhà trường.

Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại, tệ nạn xã hội và các nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng.

Duy trì công tác tư vấn tâm lý học đường; phát hiện sớm học sinh có biểu hiện khó khăn về học tập, tâm lý hoặc quan hệ xã hội để hỗ trợ phù hợp.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên, bộ phận tư vấn, cha mẹ học sinh và các lực lượng liên quan.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục sức khỏe, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường theo kế hoạch.

Theo dõi tình hình chuyên cần, nền nếp, vi phạm nội quy và kết quả rèn luyện để có biện pháp giáo dục phù hợp, bảo đảm tính nhân văn.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học

Rà soát, cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành và các phần mềm quản lý được phép sử dụng.

Tăng cường sử dụng học liệu số, thiết bị dạy học và các nền tảng phù hợp để nâng cao hiệu quả học tập.

Bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm và phục vụ học tập.

Thực hiện quản lý, lưu trữ dữ liệu và minh chứng bảo đảm chất lượng khoa học, thuận tiện tra cứu, cập nhật kịp thời.

Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; kiểm tra tính chính xác trước khi cập nhật hoặc công khai thông tin.

Đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ thông qua mức độ cải thiện công việc, chất lượng dạy học và khả năng khai thác dữ liệu, không chạy theo số lượng phần mềm.

7. Cải thiện cơ sở vật chất và điều kiện bảo đảm chất lượng

Kiểm kê, đánh giá thực trạng phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học,

hệ thống điện, nước, mạng internet và các công trình phụ trợ.

Xây dựng danh mục sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thiết bị; ưu tiên những hạng mục liên quan trực tiếp đến an toàn và chất lượng dạy học.

Nâng cao hiệu quả sử dụng phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị thí nghiệm và học liệu hiện có.

Thực hiện quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản công đúng quy định; huy động các nguồn lực hợp pháp, công khai, minh bạch.

Tăng cường kiểm tra vệ sinh môi trường, cảnh quan sư phạm, phòng chống cháy nổ và an toàn cơ sở vật chất.

8. Thực hiện bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục

Rà soát các yêu cầu, tiêu chí bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành; xác định những nội dung đã đáp ứng, chưa đáp ứng và nội dung cần tiếp tục hoàn thiện.

Cập nhật số liệu, hồ sơ và minh chứng từ hoạt động quản lý, chuyên môn, kết quả giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Xây dựng danh mục vấn đề ưu tiên, xác định nguyên nhân gốc rễ và lựa chọn giải pháp cải tiến phù hợp nguồn lực.

Phân công cá nhân, bộ phận chịu trách nhiệm đối với từng nội dung; quy định thời hạn hoàn thành và sản phẩm cần có.

Tổ chức tự kiểm tra, giám sát tiến độ; đánh giá kết quả bằng dữ liệu thực tế, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

Thực hiện công khai thông tin giáo dục theo quy định; sử dụng kết quả cải tiến làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh năm học 2026-2027

- Hình thức thuyển sinh: Xét tuyển

- Số học sinh tuyển sinh đầu cấp (10 lớp): 440 học sinh

2. Kết quả hoạt động giáo dục chính khóa năm học 2025-2026

2.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới dạy học và kiểm tra, đánh giá

Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Sinh hoạt tổ chuyên môn từng bước được đổi mới theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ khó khăn. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, STEM và trí tuệ nhân tạo được quan tâm triển khai.

100% giáo viên hoàn thành các lớp bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thay sách. Tuy vậy, một số giáo viên chưa linh hoạt trong phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá; một bộ phận học sinh chưa chủ động học tập, ôn tập chưa thường xuyên.

2.2. Chất lượng giáo dục đại trà

Năm học 2025–2026, kết quả học tập của 1.113 học sinh gồm: mức Tốt 147 học sinh (13,2%); mức Khá 426 học sinh (38,3%); mức Đạt 426 học sinh (38,3%); mức Chưa đạt 114 học sinh (10,2%).

Về rèn luyện, bảng tổng hợp ghi nhận 929 học sinh mức Tốt (83,5%), 153 học sinh mức Khá (13,8%), 29 học sinh mức Đạt (2,61%); 02 học sinh chưa đạt (0,18%).

TT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khối 10	342	23	6.73	76	22.2	154	45	89	26	229	67	89	26	22	6.43	2	0.58	0	0	22	342
2	Khối 11	428	57	13.3	162	37.9	184	43	25	5.84	380	88.8	45	10.5	3	0.7	0	0	7	1.64	50	428
3	Khối 12	343	67	19.5	188	54.8	88	25.7	0	0	320	93.3	19	5.54	4	1.17	0	0	8	2.33	59	343
Toàn trường		**1113**	**147**	**13.2**	**426**	**38.3**	**426**	**38.3**	**114**	**10.2**	**929**	**83.5**	**153**	**13.8**	**29**	**2.61**	**2**	**0.18**	**15**	**1.35**	**131**	**1113**

- Học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và lên lớp thẳng: 999/1113 = 89,8%

- Học sinh ở lại do học lực, rèn luyện chưa đạt: 02 học sinh

- Hoc sinh phải kiểm tra lại: 112/1113 hs (10,01%)

- Tỉ lệ tốt nghiệp THPT: 330/343 (96,21%)

- Tỉ lệ học sinh lên lớp sau thi lại: 732/770 (95,1%). Ở lại lớp 38/770 (4,9%)

Kết quả cho thấy nhà trường duy trì được nền nếp, song tỷ lệ học sinh chưa đạt và số học sinh phải kiểm tra lại còn đáng quan tâm. Nguyên nhân chủ yếu là kiến thức nền tảng còn hổng, tinh thần tự học chưa cao và sự phối hợp quản lý của một số gia đình chưa thường xuyên.

2.3. Giáo dục mũi nhọn, bồi dưỡng học sinh giỏi và các hội thi

Kết quả nổi bật gồm: 1 học sinh vào đội tuyển tỉnh dự thi quốc gia; 18 giải học sinh giỏi cấp tỉnh: 1 giải Nhất, 3 giải Nhì, 4 giải Ba và 10 giải Khuyến khích; 1 đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp tỉnh đạt giải Tư; 1 giải Khuyến khích Olympic tiếng Anh trên Internet cấp tỉnh; 1 giải Khuyến khích cuộc thi sáng kiến phòng, chống bạo lực học đường cấp tỉnh; 2 giải Khuyến khích Violympic Toán cấp tỉnh; 1 giải Nhì tập thể cuộc thi "Đường đến thành công tỉnh Đắk Lắk 2026". Ngoài ra, nhà trường có các thành tích ở phong trào văn nghệ, tìm hiểu Điều lệ Đoàn và hoạt động cấp trường.

Ở cấp trường, có 74 học sinh đạt giải học sinh giỏi bộ môn, gồm 13 giải Nhất, 10 giải Nhì, 24 giải Ba và 27 giải Khuyến khích; hội thi thể dục thể thao có 25 giải cá nhân và 16 giải đồng đội. Toàn trường có 15 học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, 131 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi và 3 học sinh xuất sắc toàn khóa.

Các kết quả trên thể hiện nỗ lực của học sinh và giáo viên. Nhà trường cần tiếp tục nâng cao tính bền vững của giáo dục mũi nhọn, gắn bồi dưỡng với chất lượng đại trà và mở rộng cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học, STEM, ngoại ngữ, thể thao.

2.4. Ôn thi tốt nghiệp THPT và hỗ trợ học sinh

Nhà trường chỉ đạo xây dựng kế hoạch ôn thi tốt nghiệp THPT miễn phí cho học sinh tự nguyện đăng ký, đồng thời tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt. Kết quả tốt nghiệp 330/343 (96,2%).

Các hạn chế về ý thức tự học, kiến thức nền và nền nếp cần được khắc phục trong công tác chuẩn bị cho kỳ thi năm 2027.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo:

Nguồn kinh Phí 20.539.168.304 đ

+ Ngân sách nhà nước: 20.137.583.304 đ

+ Học phí: 274.505.000 đ

+ Thu khác: 87.570.000 đ

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

Các khoản chi phân theo: 19.088.209.690 đ

+ Chi tiền lương và thu nhập: 14.498.747.702 đ

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 3.633.503.366 đ

+ Chi hỗ trợ người học: 419.110.000 đ

- Chi khác: 536.848.622 đ

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Các khoản thu trong năm học 2024-2025:

+ Học phí: 50.000 đồng/học sinh/tháng.

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định.

Số dư các quỹ theo quy định, kế cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định: 1.450.958.613 đ

- Ngân sách nhà nước: 1.371.942.108 đ

- Học phí: 55.372.605 đ

- Thu khác: 23.643.900 đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành

Ban Giám hiệu chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục; chỉ đạo thực hiện chương trình, ổn định nền nếp dạy học và tăng cường trách nhiệm của các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn. Nhà trường xây dựng tổ hợp môn học phù hợp với nguyện vọng học sinh và điều kiện thực tế; lựa chọn sách giáo khoa kịp thời, bảo đảm học sinh có sách học từ đầu năm. Công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, duy trì kỷ cương và an ninh trường học được quan tâm.

Nhìn chung, công tác quản lý có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc bố trí đội ngũ trước những biến động giáo viên vẫn còn khó khăn; hiệu quả một số hoạt động chuyên môn và giáo dục học sinh chưa đồng đều.

2. Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và xây dựng trường học an toàn

Nhà trường quan tâm giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, duy trì nền nếp, kỷ cương và an ninh trường học, tổ chức cho 100% học sinh ký cam kết chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường bộ, An ninh mạng và Quy chế thi cử. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cha mẹ học sinh để phát hiện, xử lý mâu thuẫn và giáo dục học sinh; Đoàn Thanh niên tổ chức phong trào thi đua, hoạt động ngoại khóa, tình nguyện và hỗ trợ học sinh, phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào từ thiện, quyên góp xã hội và chương trình giao lưu kết nghĩa với Trung đoàn 95. Lựa chọn, bồi dưỡng và giới thiệu các đoàn viên ưu tú tham gia lớp nhận thức về Đảng, thực

hiện kết nạp Đảng viên mới trong học sinh.

Tuy nhiên, vẫn còn học sinh nghỉ học, cúp tiết, vi phạm nội quy, quy định an toàn giao thông và quy chế kiểm tra; một số trường hợp phải xử lý kỷ luật.

Cần tăng cường phòng ngừa, tư vấn, giáo dục ý thức tự giác và phối hợp gia đình.

3. Phát triển đội ngũ, sinh hoạt chuyên môn và phong trào thi đua

Phong trào thi đua dạy tốt được duy trì; giáo viên đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu bài học và ứng dụng công nghệ. Có 4 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường; 16 cán bộ, giáo viên, nhân viên có sáng kiến kinh nghiệm, đạt 17 giải cấp ngành, gồm 3 giải B và 14 giải C.

Tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ và năng lực đổi mới chưa đồng đều vẫn cần được khắc phục.

4. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý học sinh.

Mức độ vận dụng giữa giáo viên chưa đồng đều; việc ứng dụng công nghệ trong năm học mới cần gắn với hiệu quả thực chất, kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm chuyên môn.

5. Cơ sở vật chất, tài chính và công khai, dân chủ

Nhà trường quan tâm đầu tư sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Việc thu, chi được công khai; các chế độ hỗ trợ học sinh thuộc diện khó khăn được thực hiện theo quy định.

Cần tiếp tục khai thác hiệu quả thiết bị, tăng cường thực hành, thí nghiệm và sử dụng nguồn lực tiết kiệm, minh bạch.

6. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể và phối hợp giáo dục

Đảng bộ nhà trường phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, chỉ đạo sâu sát các tổ chức đoàn thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Đoàn Thanh niên phối hợp quản lý, giáo dục học sinh, tổ chức phong trào thi đua hai tốt và hoạt động ngoại khóa.

Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đồng hành tích cực cùng nhà trường trong việc quản lý, giáo dục đạo đức học sinh, hỗ trợ kinh phí khen thưởng động viên kịp thời các tài năng trẻ và học sinh vượt khó.

Chính quyền địa phương, lực lượng công an và các tổ chức trên địa bàn hỗ trợ nhà trường trong giáo dục và bảo đảm an ninh, trật tự.

Việc phối hợp quản lý thời gian tự học của học sinh ngoài giờ lên lớp cần tiếp tục được cải thiện.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Niêm yết;
- Lưu:VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUỲNH THÚC KHÁNG

Nguyễn Đình Hoàng